UBND TỈNH HƯNG YÊN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 469 /QĐ-STC	*Hưng Yên, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung kinh phí NSNN nước năm 2026 của cơ quan Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 26/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên; Căn cứ Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 06/11/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 28/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-STC ngày 09/11/2026 của Sở Tài chính về việc giao và phân bổ dự toán chi NSNN bổ sung năm 2026 của cơ quan Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai bổ sung kinh phí NSNN nước năm 2026 của cơ quan Sở Tài chính như sau:

(theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- GĐ, các PGĐ sở;
- KBNN khu vực IV;
- Phòng HCSN STC;
- Cổng TTĐT STC;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH
Cơ quan: UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 09.11.2026 14:26:47

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Đức Thành

Đơn vị: Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên **Mẫu biểu số 73**

Chương: 418

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG KINH PHÍ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- STC ngày tháng năm 2026)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Cơ quan Sở Tài chính	Đơn vị …..
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**	
1	***Số thu phí, lệ phí***	***0***	***0***	***0***	
2	***Chi từ nguồn thu phí được để lại***				
2.1	Chi sự nghiệp				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***	***0***	***0***	***0***	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**0**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**0**
1.1	**Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ**	**-**	**-**	**-**	**-**
1.2	**Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (Chương 418-340-341; mã nguồn 15)**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**1.116.000.000**	**-**
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 33/2026/NQ-HĐND ngày 28/9/2026 và Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025	1.116.000.000	1.116.000.000	1.116.000.000	-